TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2023/DS-ST
Ngày 17-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Bắc

Ông Trần Minh Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hằng N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 7, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tô Hồng P, sinh năm 1984 - Theo văn bản ủy quyền ngày 07-12-2022 của bà Trần Hằng N (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hòa L (Hoài L), sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp 1, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2022, nguyên đơn là bà Trần Hằng N trình bày: Ngày 26/8/2015, bà N có cho bà Lâm Thị D vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận do bà D ký tên. Ngày 02/10/2015, bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài L và bà D vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận do bà D ký tên.

Tổng cộng vợ chồng ông L, bà D vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi vay, vợ chồng ông L, bà D có đóng lãi cho bà N đến ngày 02/12/2016 thì ngưng. Đầu tháng 5/2017, hai bên gặp nhau thương lượng và chốt lại là vợ chồng ông L, bà D sẽ trả nợ gốc dần cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng, không tính lãi. Tuy nhiên, vợ chồng ông L, bà D không thực hiện đúng như thỏa thuận, có tháng trả, có tháng không trả. Tính đến tháng 01/2019, vợ chồng ông L, bà D chỉ trả được số tiền 13.700.000 đồng. Sau tháng 01/2019, bà N nhiều lần đến nhà vợ chồng ông L, bà D để đòi nợ nhưng không gặp và ông L, bà D cũng không trả cho đến nay.

Số tiền gốc và lãi mà vợ chồng ông L, bà D còn nợ bà N là: Tiền gốc 30.000.000 đồng; lãi tính từ ngày 02/12/2016 đến ngày 02/12/2022 là: 72 tháng x 1.500.000 đồng/tháng = 108.000.000 đồng, trừ số tiền lãi đã đóng 09 lần là 13.700.000 đồng, còn nợ lại 94.300.000 đồng. Nay bà N yêu cầu vợ chồng ông L, bà D trả tổng số tiền 124.300.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hoài L đúng theo quy định pháp luật, nhưng ông L, bà D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông L và bà D trả vốn 30.000.000 đồng.

Bà Lâm Thị D thừa nhận có nợ bà N và đồng ý trả vốn vay 30.000.000 đồng. Bà D xác định biên nhận nợ chỉ có một mình bà ký nhận nhưng ông L có biết và đồng ý cùng bà D trả khoản nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoài L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Trần Hằng N có cho vợ chồng ông Nguyễn Hoài L, bà Lâm Thị D vay tiền 02 lần thể hiện tại hai biên nhận: Biên nhận ngày 26/8/2015 vay số tiền 15.000.000 đồng, biên nhận ngày 02/10/2015 vay số tiền 15.000.000 đồng; bà D là người trực tiếp ký biên nhận. Mặc dù chỉ có bà D là người trực tiếp ký tên trên biên nhận nhưng thời điểm vay tiền của bà N, ông L và bà D đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông L không có văn bản thể hiện ý kiến của

mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản bác hai biên nhận do nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận khoản nợ và đồng ý cùng ông L trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hai biên nhận nợ và sự tự nguyện của bà D để làm căn cứ buộc ông L và bà D cùng có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng.

[4] Về khoản lãi: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất và bà D không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Như đã phân tích trên, buộc vợ chồng ông L, bà D trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hằng N. Buộc ông Nguyễn Hoài L và bà Lâm Thị D cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hằng N tổng số tiền vốn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoài L và bà Lâm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Hoàn trả cho bà Trần Hằng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.358.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) tại biên lai số 001010 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Hằng N và bà Lâm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Hoài L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út